NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trung**.

2. Bà **Trần Thị Thúy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trường Giang**– Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 1064/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị K**, sinh ngày 01/01/1974, CCCD số 072174011249, do Cục Cảnh sát cấp ngày 02/3/2023; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố L, phường A, tỉnh Tây Ninh; Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Quốc T**, sinh ngày 17/10/1982, CCCD số 072082015167, do Cục Cảnh sát cấp ngày 07/3/2024; Địa chỉ: ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh (Theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 005485/2025/CCGD ngày 29/11/2025 tại Văn phòng C, tỉnh Tây Ninh) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Hà Văn H**, sinh ngày 15/01/1977; Địa chỉ: ấp C, xã H, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 08/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quốc T thống nhất trình bày:

Bà K và ông H là họ hàng xa và cũng là hàng xóm của nhau. Do cần vốn để mở tiệm cửa sắt nên trong khoảng thời gian từ ngày 22/6/2021 đến ngày 04/7/2021, ông H nhiều lần vay tiền của bà K, cụ thể: Ngày 22/6/2021 ông H vay số tiền 25.000.000 đồng; Ngày 27/6/2021 vay thêm 10.000.000 đồng; Ngày 03/7/2021 vay thêm 20.000.000 đồng và ngày 04/7/2021 vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H đã vay của bà K là 85.000.000 đồng.

Đối với các khoản vay nêu trên, các bên không lập giấy vay tiền riêng cho từng lần giao nhận tiền. Sau khi nhận đủ số tiền vay, đến ngày 04/7/2021, ông H cùng bà K chốt lại tổng số tiền nợ là 85.000.000 đồng và ông H đã ký tên xác nhận vào giấy mượn tiền. Nội dung giấy mượn tiền thể hiện khoản vay ban đầu ngày 22/6/2021 và các khoản vay bổ sung phát sinh vào các ngày 27/6/2021, 03/7/2021 và 04/7/2021. Bà K xác định ngoài giấy mượn tiền nêu trên thì giữa bà K và ông H không lập bất kỳ giấy vay tiền nào khác. Đồng thời, ngoài khoản nợ vay 85.000.000 đồng, ông H không còn nợ bà bất kỳ khoản tiền nào khác. Ông H cũng không thế chấp tài sản gì cho bà K.

Về lãi suất, khi vay tiền ông H có trao đổi sẽ trả tiền lãi cho bà K, hai bên có thỏa thuận miệng về việc trả lãi nhưng không xác định cụ thể mức lãi suất và không lập thành văn bản. Trong suốt quá trình vay mượn, ông H chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi nào và cũng chưa hoàn trả khoản tiền gốc nào cho bà K. Các bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, ông H chỉ trình bày mượn tạm trong vài tháng rồi sẽ hoàn trả. Tuy nhiên, đến cuối năm 2021, mặc dù bà K đã nhiều lần yêu cầu thanh toán khoản nợ nhưng ông H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Đến năm 2023, bà K tiếp tục yêu cầu trả nợ nhưng ông H vẫn không thanh toán.

Do đó, nay bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng và tiền lãi được tính theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/7/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2026, bị đơn ông Hà Văn H trình bày: Ông H và bà K là cô cháu trong dòng họ xa và ở cùng xóm với nhau. Do cần vốn để mở tiệm cửa sắt nên ngày 22/6/2021 ông H có vay của bà K số tiền 25.000.000 đồng và có viết giấy mượn tiền. Hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Sau đó, ngày 27/6/2021 ông vay thêm 10.000.000 đồng. Ngày 03/7/2021 vay thêm 20.000.000 đồng và ngày 04/7/2021 vay thêm 30.000.000 đồng. Mỗi lần vay thêm, ông H đều ghi bổ sung vào tờ giấy mượn tiền lập ngày 22/6/2021. Tổng số tiền ông H vay của bà K là 85.000.000 đồng. Ông H xác nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên dưới tờ giấy mượn tiền ngày 22/6/2021 là của ông H. Đồng thời, thừa nhận hiện còn nợ bà K số tiền gốc 85.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K, ông H đồng ý trả cho bà K số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng và đồng ý thanh toán tiền lãi theo yêu cầu của bà K, với mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/7/2021 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: (i) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; (ii) Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án; (iii) Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông H vắng mặt, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông H.

Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền 85.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà K vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông H, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông H đã tham gia làm việc và trình bày ý kiến ban đầu tại Tòa án, thể hiện việc ông H đã biết rõ về nội dung tranh chấp cũng như việc Tòa án đang giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó ông H không tiếp tục tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có lý do chính đáng, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt, triệu tập và bảo đảm quyền, nghĩa vụ tố tụng của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc ông H không tiếp tục tham gia tố tụng là sự từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, do đó ông H phải tự chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử xét rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà K trình bày ông H đã nhiều lần vay tiền của bà K, gồm các khoản: Ngày 22/6/2021 vay 25.000.000 đồng, ngày 27/6/2021 vay 10.000.000 đồng, ngày 03/7/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 04/7/2021 vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 85.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà K đã cung cấp cho Tòa án bản chính Giấy mượn tiền (bút lục 118) thể hiện nội dung các khoản vay nêu trên và có chữ ký, họ tên của ông H tại mục người mượn.

Về phía ông H, tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2026, ông H thừa nhận toàn bộ nội dung bà K trình bày. Ông H xác nhận đã vay của bà K tổng số tiền 85.000.000 đồng qua nhiều lần vay từ ngày 22/6/2021 đến ngày 04/7/2021. Xác

nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên dưới giấy mượn tiền là của ông H. Đồng thời, thừa nhận hiện nay vẫn còn nợ bà K số tiền gốc 85.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa bà K và ông H đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ông H hiện còn nghĩa vụ thanh toán cho bà K số tiền vay gốc là 85.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H đã nhận tiền vay nhưng đến nay chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền gốc nào cho bà K. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Mặt khác, ông H thừa nhận vẫn còn nợ bà K số tiền 85.000.000 đồng (bút lục 21). Do đó, yêu cầu của bà K buộc ông H thanh toán số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà K trình bày khi vay tiền các bên có thỏa thuận miệng về việc ông H sẽ trả lãi, tuy nhiên không xác định cụ thể mức lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, ông H thống nhất với lời trình bày của bà K và đồng ý thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 04/7/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Xét thấy, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương đương 10%/năm. Vì vậy, yêu cầu của bà K về việc áp dụng mức lãi suất 10%/năm để tính tiền lãi đối với khoản vay là có căn cứ chấp nhận.

Đối với thời gian tính lãi, bà K yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng kể từ ngày 04/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2026). Xét thấy, mặc dù các bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ, nhưng theo lời trình bày của các bên, ông H chỉ vay tiền trong thời gian ngắn và cam kết sẽ hoàn trả sau vài tháng. Từ cuối năm 2021, bà K đã nhiều lần, liên tục yêu cầu ông H thanh toán khoản nợ nhưng đến nay ông H vẫn không thực hiện. Do đó, ông H phải chịu lãi đối với khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tính từ ngày 04/7/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 01/6/2026 là 04 năm 10 tháng 28 ngày. Tiền lãi được xác định như sau: 85.000.000 đồng × 10%/năm × 04 năm = 34.000.000 đồng; 85.000.000 đồng × 10%/năm × 10/12 tháng = 7.083.333

đồng; 85.000.000 đồng × 10%/năm × 28/365 ngày = 652.055 đồng. Tổng số tiền lãi là 41.735.388 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K đối với ông H. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền nợ gốc 85.000.000 đồng + tiền lãi 41.735.388 đồng = 126.735.388 đồng (làm tròn số 126.735.000 đồng).

[3] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Tây Ninh là phù hợp với các tình tiết, chứng cứ và nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K đối với bị đơn ông Hà Văn H về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Hà Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị K tổng số tiền 126.735.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án, nếu ông Hà Văn H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Hà Văn H còn phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn H phải chịu 6.337.000 đồng (Sáu triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.972.000 đồng (Hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016161 ngày 22/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12 – Tây Ninh.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt/niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích V